TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 593/2024/HC-PT
Ngày 19 tháng 6 năm 2024.
V/v: "Khiếu kiện quyết định, hành vi hành chính về quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý đất đai".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Xuân Thành

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Bà Lê Thị Tuyết Trinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đảm - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số MERGEFIELD Số_thụ_lý 1111/2023/TLPT-HC ngày 22 tháng 12 năm 20về việc "Khiếu kiện quyết định, hành vi hành chính về quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 101/2023/HC-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1800/2024/QĐPT-HC ngày 30 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Người khởi kiện:

Ông Lê Xuân Q, sinh năm 1947 (vắng mặt).

Địa chỉ: D T, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:

Bà Nguyễn Thị Út H, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận (có mặt).

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1993. Địa chỉ: xóm V, xã L, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

Người bị kiện:

- Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B (có đơn xin vắng mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Đào Thế H1, chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đ (có mặt).

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã L (có mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Mậu S, chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã L (có mặt).

- Ủy ban nhân dân phường T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Đ, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện là ông Lê Xuân Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Lê Xuân Q và người đại diện hợp pháp bà Nguyễn Thị Út H, bà Nguyễn Thị T trình bày:

Năm 1987, ông Lê Xuân Q khai phá thửa đất có diện tích khoảng 5.000m^2 tại xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận (nay là khu phố G, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận). Sau khi khai phá, ông Q xây dựng nhà ở và có đào 02 cái giếng nước. Sau đó, ông Q xây dựng nhà ở chỗ khác nên hiện tại trên đất ông Q trồng một số cây ăn quả.

Ngày 23/02/2021, ông Q nộp hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích đất nói trên tại UBND phường T, thị xã L và có Giấy tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả.

Tuy nhiên, đến ngày 30/5/2022, UBND phường T có Công văn số 95/UBND với nội dung: "Tại thời điểm đo đạc, hướng Tây của thửa đất giáp ranh với đất UBND phường T quản lý không đồng ý với ranh giới của ông Lê Xuân Q xác minh tại thực địa với lý do "đất do UBND phường T quản lý". Căn cứ khoản 1, điều 11 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ T1, Chi nhánh văn phòng Đ không đủ cơ sở để cung cấp số liệu thửa đất cấp GCNQSDĐ ông Lê Xuân Q cho UBND phường T công khai niêm yết theo quy định". Từ lý do đó mà hồ sơ của ông Q bị trả.

Ông Lê Xuân Q cho rằng, UBND phường T lấy lý do thửa đất trên là đất do nhà nước quản lý nên không đồng ý ranh giới thửa đất để gây khó khăn, phiền hà cho ông Q trong quá trình đăng kí cấp Giấy chứng nhận mặc dù thửa đất trên ông Q đã đủ điều kiện nên ông Q đã khiếu nại Công văn số 95/UBND của UBND phường T đến Chủ tịch UBND phường T, thị xã L.

Ngày 15/6/2022, UBND phường T có Công văn trả lời số 105/UBND về việc trả lời khiếu nại của ông Q. Theo Công văn trả lời số 105/UBND cho rằng Công văn số 95/UBND là văn bản thông tin lại trường hợp đăng ký, cấp giấy

chứng nhận, không quyết định một vấn đề cụ thể nào nên chưa phát sinh quyền khiếu nại nên không thể xem xét đơn khiếu nại của ông Q.

Ngày 30/6/2022, ông Lê Xuân Q tiếp tục làm đơn khiếu nại đến UBND thị xã L. Ngày 15/7/2022, UBND thị xã L có phiếu trả lời số 1959/UBND-NC hướng dẫn gửi đơn khiếu nại của ông Q. Theo hướng dẫn của UBND thị xã L là thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND phường T nên đề nghị ông Q gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND phường T.

Nhận thấy Công văn số 95/UBND ngày 30/5/2022 ban hành là trái quy định pháp luật nên ngày 19/8/2022, UBND phường T ban hành văn bản số 170/UBND để thu hồi Công văn số 95/UBND.

Sau đó, thửa đất trên ông Q vẫn canh tác, sử dụng ổn định và hồ sơ cấp giấy chứng nhận của ông vẫn đang trong quá trình cấp sổ.

Tuy nhiên, cho rằng ông Q chiếm đất nhà nước nên ngày 02/3/2022, UBND phường T lập biên bản làm việc số 13/BB-LV.

Ngày 16/3/2022, Chủ tịch UBND thị xã L ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 45/QĐ-XPHC về hành vi chiếm đất chưa sử dụng. Theo Quyết định số 45/QĐ-XPHC, buộc ông Lê Xuân Q phải đóng phạt số tiền 30.000.000 đồng.

Đến ngày 03/10/2022, lấy lý do thửa đất đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Q đã có Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 45/QĐ-XPHC nên Chi nhánh văn phòng Đ ra văn bản số 1371/CN.VPDKDDLAGI để trả hồ sơ của ông Q.

Vì vậy, ông Q đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Bình Thuận giải quyết cho ông những yêu cầu sau:

Huỷ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 45/QĐ-XPHC ngày 16/3/2022 của Chủ tịch UBND thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Huỷ Văn bản số 1371/CN.VPĐKĐĐLAGI ngày 03/10/2022 của Chi nhánh văn phòng Đ.

Buộc UBND phường T thực hiện nhiệm vụ công vụ và chuyển hồ sơ lên cơ quan có thẩm quyền để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Xuân Q theo đúng quy định của pháp luật.

Người bị kiện Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B có ý kiến tại Văn bản số 1137/VPĐKĐĐ-ĐKCG ngày 25/5/2023:

Ngày 23/8/2023, Chi nhánh Văn phòng Đ tiếp nhận 01 hồ sơ đo đạc chỉnh lý thửa đất để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Xuân Q, đối với khu đất tại phường T, thị xã L.

Ngày 19/9/2022, Chi nhánh Văn phòng Đ phối hợp người dẫn đạc là cán bộ địa chính của UBND phường T để tiến hành đo đạc thửa đất của ông Q đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thực địa thì xác định vị trí thửa đất của ông Q đã được UBND thị xã L ban hành Quyết định số 45/QĐ-XPVPHC

ngày 16/3/2022 về việc xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định số 55/QĐ-KPHQ ngày 01/4/2022 về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả;

Căn cứ khoản 2 Điều 2 Quyết định số 45/QĐ-XPVPHC ngày 16/3/2022 của UBND thị xã L có nêu hành vi vi phạm hành chính của ông Q là: Chiếm đất chưa sử dụng (đất bằng chưa sử dụng) do UBND phường T quản lý tại khu vực đô thị. Như vậy, thửa đất của ông Lê Xuân Q đề nghị đo đạc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc đất của UBND phường T quản lý nên Chi nhánh Văn phòng Đ không đủ cơ sở để tham mưu đo đạc chỉnh lý thửa đất đứng tên chủ sử dụng cho ông Lê Xuân Q. Vì vậy, Chi nhánh Văn phòng Đ đã có Công văn số 1371/CN.VPĐKĐĐLG ngày 03/10/2022 về việc thông báo trường hợp không đủ điều kiện đo đạc cho ông Lê Xuân Q được biết lý do.

Hiện nay, thửa đất trên đã được UBND thị xã L ban hành Quyết định số 237/QĐ-CCXP và số 238/QĐ-CCXP ngày 15/11/2022 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả (đã thực hiện xong việc cưỡng chế).

Từ diễn biến hồ sơ nêu trên; Văn phòng Đ xét thấy việc Chi nhánh Văn phòng Đ không tiến hành đo đạc khu đất đề nghị cấp Giấy chứng nhận của ông Lê Xuân Q là có cơ sở và đúng quy định pháp luật; lý do: UBND thị xã L đã xác định khu đất trên là đất do UBND phường T quản lý và đã có quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã L có ý kiến tại văn bản 1385/UBND-TNMT ngày 17/5/2023:

- Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 45/QĐ-XPHC ngày 16/3/2022 của Chủ tịch UBND thị xã L: Việc ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch UBND thị xã L đối với ông Lê Xuân Q được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 57, Điều 66, Điều 67, Điều 68, Điều 70 Luật xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi bổ sung năm 2020), Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; tài nguyên nước và khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ, cụ thể:

- Về hành vi vi phạm: ông Lê Xuân Q đã vi phạm khoản 5 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai (hành vi chiếm đất chưa sử dụng do UBND phường T quản lý).

- Về nội dung Quyết định xử phạt vi phạm hành chính: thực hiện đúng quy định tại Điều 68 Luật xử lý vi phạm hành chính.

- Về thẩm quyền ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính: được thực hiện đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 54, Luật Xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi bổ sung năm 2020) và khoản 2 Điều 38 Nghị định số

91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai (được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ).

Từ những căn cứ như trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã L không đồng ý với yêu cầu của người khởi kiện về hủy Quyết định hành chính số 45/QĐ- XPHC ngày 16/3/2022 của Chủ tịch UBND thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân phường T có ý kiến tại văn bản 139/UBND ngày 05/6/2023:

- Về hồ sơ đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Lê Xuân Q.

Ngày 05/01/2022, Ủy ban nhân dân phường T có nhận được hồ sơ đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Lê Xuân Q, thường trú tại khu phố G, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 14/12/2021 Ủy ban nhân dân phường B công văn số 273/UBND về việc trích đo địa chính thửa đất đối với trường hợp đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Lê Xuân Q gửi Chi nhánh Văn phòng Đ, đề nghị Chi nhánh Văn phòng Đ phối hợp tiến hành thẩm tra, đo đạc, xác minh ranh giới và cung cấp số liệu có liên quan đến thửa đất để UBND phường thực hiện niêm yết công khai hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 23/5/2022, Chi nhánh Văn phòng Đ có công văn số 561/CN.VPĐKĐĐLAGI về việc thông báo trường hợp đăng ký cấp GCNQSDĐ của ông Lê Xuân Q, trong đó có nội dung:

"..., tại thời điểm đo đạc, hướng Tây của thửa đất giáp ranh với đất UBND phường T quản lý không đồng ý với ranh giới của ông Lê Xuân Q xác minh tại thực địa với lý do "đất do UBND phường T quản lý". Căn cứ khoản 1, điều 11 Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ T1, Chi nhánh Văn phòng Đ không đủ cơ sở để cung cấp số liệu thửa đất đăng ký cấp GCNQSDĐ ông Lê Xuân Q cho UBND phường T công khai niệm yết theo quy định"

Do đó, UBND phường không thể niêm yết công khai hồ sơ đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Lê Xuân Q được.

- Nguồn gốc đất:

Khu đất có liên quan đến vụ án hành chính của người khởi kiện là ông Lê Xuân Q, sinh năm 1947, địa chỉ: khu phố G, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận có nguồn gốc: Trước đây do Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh tiếp quản từ sau ngày 24/4/1975 của chế độ cũ và quản lý, sử dụng đến đầu năm 1997. Từ sau năm 1997 thực hiện Quyết định số 407/TTg ngày 13/6/1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch đất quốc phòng do Quân đội quản lý trên địa bàn Quân

khu E. Bộ C tỉnh bàn giao cho UBND huyện H (nay là thị xã L) quản lý về mục đích kinh tế xã hội.

Theo hồ sơ lưu trữ tại phường: khu đất có liên quan đến vụ án hành chính của người khởi kiện là ông Lê Xuân Q thuộc một phần thửa đất số 581, tờ bản đồ 07, loại đất: chuyên dùng, diện tích 71.171m2, được quy chủ là đất Trung đoàn, được bộ Q1 đo vẽ năm 1999. Nay thuộc một phần thửa 857, tờ bản đồ 06, Mảnh chỉnh lý bản đồ địa chính số 567-2018, là đất UBND phường T quản lý và đã đăng ký đất đai do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh B ký ngày 17/12/2018, thửa đất số 857, tờ bản đồ số 07, diện tích 13.135,4m2 theo khoản 1, Điều 164, Luật đất đai 2013.

Qua kiểm tra hồ sơ quản lý của phường và kết quả xác minh những người sống lâu năm, biết rõ nguồn gốc đất này tại phường T thì ông Lê Xuân Q không khai phá, không sử dụng, không tác động đến khu đất này từ trước năm 1993 đến trước năm 2022, được thể hiện:

+ Tờ bản đồ địa chính số 07, tỷ lệ 1/2000, đo đạc năm 1999 (thửa đất số 587),

+ Trang sổ mục kê (thửa đất 581, tờ bản đồ 07, quy chủ Trung đoàn),

+ Công văn số 2163/BCH-HC ngày 23/11/2017 của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh B về việc vị trí 02 thửa đất xin đăng ký cấp giấy của ông Hoàng Ngọc L và ông Lê Xuân Q.

+ Công văn số 1926/BCH-TTQP ngày 05/7/2021 của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh B về việc cung cấp thông tin nguồn gốc, cơ sở pháp lý, sử dụng đất quốc phòng của Trung đoàn 812 và đất UBND phường T, thị xã L quản lý.

- Việc thu thập và xử lý thông tin, tài liệu, bằng chứng có liên quan đến khiếu nại:

+ Tờ bản đồ địa chính số 07, tỷ lệ 1/2000, đo đạc năm 1999 (thửa đất só 587),

+ Trang sổ mục kê (thửa đất 581, tờ bản để 07, quy chủ Trung đoàn),

+ Đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B ký ngày 17/12/2018,

+ Mảnh trích đo bản đồ địa chính số 567 – 2018, chủ sử dụng đất là UBND phường T do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai ký ngày 30/12/2018.

+ Công văn số 2163/BCH-HC ngày 23/11/2017 của Bộ về việc vị trí 02 thửa đất xin đăng ký cấp giấy của ông Hoàng Ngọc L và ông Lê Xuân Q.

+ Công văn số 1926/BCH-TTQP ngày 05/7/2021 của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh B về việc cung cấp thông tin nguồn gốc, cơ sở pháp lý, sử dụng đất quốc phòng của Trung đoàn 812 và đất UBND phường T, thị xã L quản lý.

Từ những nội dung nêu trên, cho thấy, UBND phường T đã thực hiện nhiệm vụ công vụ theo đúng quy định. Do đó, UBND phường T không đồng ý với nội dung khởi kiện của ông Lê Xuân Q.

***Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 101/2023/HC-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân tỉnh Bình Thuận quyết* định:**

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348, Điều 358, Điều 206, điểm b khoản 1 Điều 143 Luật Tố tụng hành chính;

- Khoản 6 Điều 2, Điều 6, Điều 38, Điều 54, Điều 57, Điều 66, Điều 68 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (đã được sửa đổi, bổ sung).

- Điều 95, 99, 100, 101 Luật Đất đai;

- Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

- Điều 4, Điều 7, khoản 5 Điều 14, điểm b khoản 2 Điều 40 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Xuân Q đối với yêu cầu huỷ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 45/QĐ-XPHC ngày 16/3/2022 của Chủ tịch UBND thị xã L, tỉnh Bình Thuận; bác yêu cầu tuyên bố hành vi hành chính của UBND phường T không giải quyết hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Xuân Q là trái pháp luật, buộc UBND phường T phải chuyển hồ sơ lên cơ quan có thẩm quyền để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu huỷ Văn bản số 1371/CN.VPĐKĐĐLAGI ngày 03/10/2022 của Chi nhánh Văn phòng Đ.

Bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm trong hạn luật định ông Lê Xuân Q có đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm người khởi kiện vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, các đương sự không đối thoại với nhau về việc giải quyết vụ án, người kháng cáo vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo.

Trong phần phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án; Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của người kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện và đầy đủ chứng cứ Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Ông Q khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố hành vi hành chính của UBND phường T không giải quyết hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Xuân Q là trái pháp luật, buộc UBND phường T phải chuyển hồ sơ lên cơ quan có thẩm quyền để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông theo đúng quy định của pháp luật. Ngoài khởi kiện hành vi hành chính, ông Lê Xuân Q còn khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 45/QĐ-XPHC ngày 16/3/2022 của Chủ tịch UBND thị xã L, tỉnh Bình Thuận, huỷ Văn bản số 1371/CN.VPĐKĐĐLAGI ngày 03/10/2022 của Chi nhánh Văn phòng Đ.

[2] Xét đơn kháng cáo của ông Q; Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] UBND thị xã L cho rằng ông Lê Xuân Q đã có hành vi trồng cây sao trên đất do UBND phường T quản lý với diện tích 1.469,5m2 theo Quyết định khắc phục hậu quả số 55/QĐ-KPHQ và 1.791m2 theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 45/QĐ-XPHC. Về phía người khởi kiện trình bày thống nhất với người bị kiện về việc ông Lê Xuân Q đã có hành vi trồng cây trên diện tích đất nêu trên nhưng cho rằng hành vi đó không phải là hành vi vi phạm hành chính vì toàn bộ phần diện tích đất ông Q bị lập biên bản vi phạm hành chính là đất do gia đình ông khai hoang từ năm 1987, đã xây dựng nhà ở và có đào 02 cái giếng nước trên đất.

[2.2] Xét về nguồn gốc đất:

Ông Q cho rằng đất do gia đình ông khai hoang từ năm 1987, đã xây dựng nhà ở và có đào 02 cái giếng nước trên đất. Sau đó, ông Q xây dựng nhà ở chỗ khác nên hiện tại trên đất ông Q trồng một số cây ăn quả. Xét thấy: Ngoài lời trình bày của ông Q ra thì không có căn cứ nào khác để chứng minh cho việc ông đã khai hoang và canh tác trên diện tích đất này từ năm 1987 đến nay. Ông Q cũng thừa nhận không đăng ký kê khai, và không thực hiện việc đóng thuế cho Nhà nước đối với diện tích đất nêu trên.

Căn cứ vào hồ sơ địa chính qua các thời kỳ như tờ bản đồ địa chính số 07, tỷ lệ 1/2000, đo đạc năm 1999 (xác định thửa đất số 587); trang mục kê (thửa đất số 581, tờ bản đồ số 07, quy chủ Trung đoàn); Công văn số 1926/BCH-TTQP ngày 05/7/2021 của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh B và các biên bản xác minh thì đủ căn cứ khẳng định toàn bộ phần diện tích đất này nguyên trước đây thuộc đất quốc phòng do Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh B quản lý sau đó giao lại cho địa phương quản lý. Ngày 17/12/2018, đã quy chủ sử dụng đất là UBND phường T (căn cứ mảnh chỉnh lý địa chính số 567-2018 hệ tọa độ VN B, khu vực Bình Thuận (khu phố G, tờ số 06 (182471-9)). Như vậy, có đủ cơ sở xác định toàn bộ phần diện tích đất nêu trên, tọa lại tại khu phố G, phường T do ông Lê Xuân Q chiếm để trồng cây là phần đất quản lý của UBND phường T. Về việc ông Lê Xuân Q trước đây có

làm nhà và đào giếng nước trên đất, UBND thị xã L cho rằng năm 1991 ông Q đã đến chiếm đất, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh đã buộc ông Q di dời và ông Q đã tháo dỡ nhà về khu phố G, phường T. Ý kiến của UBND thị xã L phù hợp với hồ sơ địa chính thửa đất, việc ông Q làm nhà, đào giếng trên đất không phải là khai hoang mà là hành vi chiếm đất.

[3] Về hành vi hành chính của UBND phường T không giải quyết hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Xuân Q. Xét thấy, khi nhận hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Xuân Q, UBND phường T đã có văn bản đề nghị Chi nhánh Văn phòng Đ tiến hành thẩm tra, đo đạc, xác minh ranh giới và cung cấp số liệu có liên quan đến thửa đất. Ngày 23/8/2022, Chi nhánh Văn phòng Đ nhận được đơn đề nghị đo đạc chỉnh lý thửa đất để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Xuân Q. Ngày 19/9/2022, Chi nhánh đã tiến hành đo đạc thửa đất nhưng qua quá trình đo đạc chi nhánh phát hiện thửa đất ông Q đề nghị đo đạc đã bị xử phạt hành chính nên Chi nhánh không đủ cơ sở để tham mưu đo đạc chỉnh lý thửa đất đứng tên chủ sử dụng đất cho ông Q. Mặt khác, thửa đất ông Q đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 100, 101 Luật Đất đai.

Từ những viện dẫn nêu trên xét thấy; Bản án sơ thẩm đã xem xét đánh giá chứng cứ và áp dụng đúng các quy định của pháp luật về đất đai để không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q là có căn cứ đúng pháp luật. Ông Q kháng cáo nhưng không có chứng cứ nào mới làm thay đổi nội dung và quyết định của Bản án sơ thẩm nên kháng cáo của ông Q không có căn cứ được chấp nhận.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông Lê Xuân Q không được chấp nhận nên ông Q phải chịu án phí hành chính phúc thẩm nhưng do ông Lê Xuân Q là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Lê Xuân Q. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 101/2023/HC-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân tỉnh Bình Thuận

Căn cứ: - Khoản 1 Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348, Điều 358, Điều 206, điểm b khoản 1 Điều 143 Luật Tố tụng hành chính;

- Khoản 6 Điều 2, Điều 6, Điều 38, Điều 54, Điều 57, Điều 66, Điều 68 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (đã được sửa đổi, bổ sung).

- Điều 95, 99, 100, 101 Luật Đất đai;

- Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

- Điều 4, Điều 7, khoản 5 Điều 14, điểm b khoản 2 Điều 40 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Xuân Q đối với yêu cầu huỷ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 45/QĐ-XPHC ngày 16/3/2022 của Chủ tịch UBND thị xã L, tỉnh Bình Thuận; bác yêu cầu tuyên bố hành vi hành chính của UBND phường T không giải quyết hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Xuân Q là trái pháp luật, buộc UBND phường T phải chuyển hồ sơ lên cơ quan có thẩm quyền để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu huỷ Văn bản số 1371/CN.VPĐKĐĐLAGI ngày 03/10/2022 của Chi nhánh Văn phòng Đ.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Lê Xuân Q phải chịu án phí hành chính phúc thẩm nhưng do ông Q là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP.Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Bình Thuân; (1)
- VKSND tỉnh Bình Thuận; (1)
- Cục THADS tỉnh Bình Thuận; (1)
- Người khởi kiện; (1)
- Người bị kiện; (1)
- NCQLNVLQ; (3)
- Lưu VT (5), HS (2) (BA- Tâm).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Xuân Thành